

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY MÁY & TBCN-CTCP

Số: **777**/CV-MIE-TCKT

V/v giải trình chênh lệch số liệu
của BCTC Hợp nhất giữa niên độ đã được soát
xét năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ BCTC Hợp nhất Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP đã công bố thông tin của kỳ 6 tháng đầu năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2022.

Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (Tổng công ty) giải trình nội dung sau:

I/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% so với cùng kỳ năm trước (Quy định tại mục a, khoản 4, điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính):

TT	Chỉ tiêu	6T Năm 2023 VND	6T Năm 2022 VND	Chênh lệch	
				+/-	%
A	B	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1	LN sau thuế TNDN	1.296.938.236	-2.163.246.497	3.460.184.733	160,0%

Số liệu các đơn vị như sau:

STT	Cty	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch	
		6T Năm 2023 VND	6T Năm 2022 VND	+/-	%
A	B	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1	Công ty Mẹ	542.460.444	-585.934.634	1.128.395.078	192,58%
2	HAMECO	1.953.196.306	1.788.394.786	164.801.520	9,22%
3	Quang Trung	673.665.869	189.708.875	483.956.994	255,11%
4	Duyên Hải	134.099.503	123.493.221	10.606.282	8,59%
5	Mecanimex	(933.528.163)	-1.254.014.380	320.486.217	25,56%
6	Techno	(190.048.934)	-1.604.216.570	1.414.167.636	88,15%
7	Dụng cụ 1	(882.906.789)	-820.677.795	-62.228.994	-7,58%
	Tổng cộng:	1.296.938.236	-2.163.246.497	3.460.184.733	160,0%

Nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN so với cùng kỳ năm trước trong BCTC hợp nhất của Tổng công ty:

Nền kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi từ cuối năm 2022, cùng với xu thế chung, nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu ổn định, giá vật tư, giá nhiên liệu, logistic cũng đã có sự chuyển biến tích cực. Chính phủ cũng đã có những chính sách kịp thời để khôi phục nền kinh tế như nới lỏng dần chính sách tiền tệ, giảm lãi suất, giảm thuế và mở rộng đầu tư

chi tiêu công. Ngoài các vấn đề cố hữu của Tổng công ty như công nghệ cũ, doanh thu chủ yếu từ các đơn hàng chế tạo và các dự án riêng lẻ, thời điểm phát sinh doanh thu không cố định mà phụ thuộc vào yêu cầu và tiến độ của Chủ đầu tư. Trong 6 tháng đầu năm 2023 Tổng công ty đã có những biện pháp quản lý và điều hành hiệu quả. Từ đó kết quả kinh doanh đã có những thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2022. Phần lớn các đơn vị đều giữ được kết quả kinh doanh dương và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Ngoài trừ các đơn vị sau:

- Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1 có kết quả kinh doanh âm do tiếp tục phải trả chi phí lãi vay cho khoản vay để thực hiện nộp thuế GTGT, thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ đền bù, hỗ trợ di dời nhà máy.
- Công ty Techno Import với việc trả các cơ sở đất, cắt giảm nhân sự và tạm thời không ghi nhận các khoản lãi phát sinh từ nợ thuế và tiền thu đất đã góp phần đưa khoản lỗ xuống mức thấp nhất.
- Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí có kết quả kinh doanh âm do hạn chế về nguồn vốn, máy móc công nghệ cũ, trong kỳ công ty có phát sinh thêm các chi phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất.

II/ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại (Quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính):

TT	Chỉ tiêu	6T.2023 (VNĐ)	6T.2022 (VNĐ)	Ghi chú
A	B	[1]	[2]	LNST chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này
1	LN sau thuế TNDN	1.296.938.236	-2.163.246.497	


Như đã giải trình tại nội dung tại Mục I, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã có những biện pháp quản lý và điều hành hiệu quả nên kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 có kết quả dương so với 6 tháng đầu năm 2022.

III/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ báo cáo lũy kế đến 30/6/2023 thay đổi từ 5% trở lên so với báo cáo cùng kỳ sau kiểm toán (Quy định tại mục c, khoản 4, điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính):

TT	Chỉ tiêu	6T 2023 Sau kiểm toán (VNĐ)	6T 2023 trước kiểm toán (VNĐ)	Chênh lệch	
				+/-	%
A	B	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1	LN sau thuế TNDN	1.296.938.236	1.680.147.330	-383.209.094	22,8%

Nguyên nhân dẫn đến chênh lệch trên là do có sự khác biệt về phương pháp hạch toán trước và sau khi kiểm toán của công ty mẹ và một số đơn vị thành viên, dẫn đến có một số sự điều chỉnh khi lập BCTC sau kiểm toán.

Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP cam kết các nội dung trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung trên.

Trân trọng, 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (thay b/c);
- Website MIE;
- Lưu: VT, TCKT.



Phạm Thành Đông

